

Số: 40/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 16 tháng 3 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 89/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Chị Lê Thị N, sinh năm 1991, số CCCD: 015191004xxx. Địa chỉ thường trú: khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai. Ở hiện nay: số nhà 10B, đường số 17, tổ 5, khu phố D, phường B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1979, số CCCD: 075079008xxx. Địa chỉ thường trú: khu phố N, phường H, tỉnh Đồng Nai. Ở hiện nay: ấp Chiến Thắng, xã X, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị N và anh Huỳnh Thanh T đều thừa nhận thống nhất tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (Nay là phường B, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 13/6/2016 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân được hai năm. Tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị Lê Thị N và anh Huỳnh Thanh T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Huỳnh Lê Bảo A, sinh ngày 31/7/2017 và cháu Huỳnh Lê Bảo T1, sinh ngày 04/4/2019. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cháu Bảo T1 cho chị Ngà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Bảo A cho anh Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị N và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Huỳnh Thanh T.

- Về con chung: giao cháu Huỳnh Lê Bảo T1, sinh ngày 04 tháng 4 năm 2019 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu Huỳnh Lê Bảo A, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2017 cho anh Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị N, anh Huỳnh Thanh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị Lê Thị N, anh Huỳnh Thanh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Lê Thị N và anh Huỳnh Thanh T tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà chị N, anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002805 ngày 30/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị N và anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai.;
- UBND phường B, tỉnh Đồng Nai (Số 51/2016);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Vân Khánh

